TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ***02***/2021/DS-ST
Ngày: 08-01-2020
V/v trAh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích

2. Ông Võ Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Long Hồ, thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "TrAh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, Thị Trấn B, huyện B, tỉnh E.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh E.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA: Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1953 Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2020, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A trình bày:*

Chị có làm chủ 02 dây hụi và bà Trịnh Thị P có tham gia chơi cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Hụi 5.000.000 đồng, hụi khui vào ngày 30/5/2019 (al), hụi gồm 21 phần, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi này bà P tham gia chơi 02 phần. Bà P

đóng hụi đến ký khui thứ 7 ngày 30/06/2019 và ký khui thứ 11 ngày 30/11/2019 thì hốt hụi hết 02 phần. Chị đã giao hụi cho bà P đầy đủ. Sau khi hốt hụi xong bà P đóng hụi đến kỳ khui thứ 12 ngày 30/3/2020 thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này bà P còn thiếu chị đến ngày 30/8/2020 7 kỳ khui hụi là 70.000.000 đồng. Số tiền 70.000.000 đồng bà P còn nợ chi chư trả.

Dây hụi 02: Hụi 3.000.000 đồng, hụi khui vào ngày 30/10/2019 (al), hụi gồm 23 phần mỗi tháng khui hai lần vào ngày 30 và 15 hàng tháng. Dây hụi này bà P tham gia chơi 03 phần. Bà P đóng hụi và hốt hụi tại kỳ khui thứ 1, thứ 6 và thứ 8. Chị đã giao cho bà P đủ tiền. Sau khi hốt hụi xong bà P đóng hụi đến kỳ khui thứ 10 ngày 15/3/2020 thì ngưng không đóng nữa. Chị phải đóng thay cho bà P cho đến khi hụi mãn vào ngày 30/08/2020(al). Dây hụi này bà P thiếu chị 13 kỳ với số tiền là 117.000.000 đồng. Số tiền này đồng bà P còn nợ chi chư trả.

Trong hai dây hụi thì bà P còn thiếu chị số tiền là 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng). Quá trình chơi hụi, bỏ hụi và đóng hụi chị chỉ biết có bà P, chị chưa biết mặt ông Trần Ngọc V đến thời điểm khởi kiện nhưng chị vẫn khởi kiện ông Văn vì là vợ chồng.

Tại Tòa hôm nay, chị A yêu cầu bà Trịnh Thị P và ông Trần Ngọc V phải liên đới trả cho bà số tiền hụi là 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên.

** Tại bản tự khai ngày 02/11/2020, biên bản hòa giải ngày 02/11/2020, bị đơn bà Trịnh Thị P trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi do chị A làm chủ hụi như theo lời trình bày của chị A, đồng thời thừa nhận còn thiếu chị A số tiền hụi là 187.000.000 đồng. Dây hụi 5.000.000 đồng, hụi khui vào ngày 30/5/2019 (al) đến ngày 30/8/2020 bà nợ 7 kỳ khui hụi là 70.000.000 đồng. Dây hụi 3.000.000 đồng, hụi khui vào ngày 30/10/2019(al) đến ngày hụi mãn vào ngày 30/08/2020(al) bà nợ 13 kỳ với số tiền là 117.000.000 đồng. Bà đồng ý một mình trả chị A 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng) ngay sau bản án có hiệu lực pháp luật. Bà không đồng ý ông Văn cùng liên đới trả nợ vì nợ hụi này một mình bà biết ông Văn không biết. Quá trình đóng hụi, bỏ hụi, góp hụi bà là người thực hiện ông Văn không biết, ông Văn cũng không biết mặt chị A. Mục đích của việc chơi hụi là để choàng hụi khác, hốt hụi này để đóng hụi khác dẫn đến mất khả năng chi trả.

** Tại đơn xin vắng mặt ngày 22/10/2020* người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA ông *Trần Ngọc V trình bày:*

Ông hoàn toàn không có liên quA về trách nhiệm với tất cả nhưng đơn khiếu kiện của bà Trịnh Thị P về tiền bạc hụi tại Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA ông Trần Ngọc V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2020, bà Trịnh Thị P thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi do chị A làm chủ hụi và thừa nhận còn nợ chị A số tiền187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng). Lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở trên, xác định giữa chị A và bà P có quA hệ giao dịch chơi hụi được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện giao dịch thấy rằng, chị A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chủ hụi giao tiền đủ cho hụi viên khi đến kỳ hốt hụi. Bà P là hụi viên đã nhận đủ tiền của chủ hụi tại kỳ mở hụi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi cho chủ hụi là vi phạm nghĩa vụ của người hụi viên theo Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó buộc bà P phải trả lại cho chị A 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng) là phù hợp.

Ghi nhận chị A không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[3] Về trách nhiệm liên đới: chị A yêu cầu ông Trần Ngọc V cùng có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy cả chị A và bà P cùng thừa nhận quá trình chơi hụi, bỏ hụi và đóng hụi chỉ biết có bà P và chị A, đến thời điểm khởi kiện chị A chưa biết mặt ông Trần Ngọc V. Và mục đích của việc chơi hụi không nhằm mục đích chung cho gia đình nên ông Văn không có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả nợ cho chị A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trịnh Thị P thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính

phủ về họ, hụi, biêu, phường. Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A đối với bà Trịnh Thị P về việc trAh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Trịnh Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thúy A số tiền hụi là 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng) .

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thúy A không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Thúy A cho đến khi thi hành án xong, bà Trịnh Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Bà Trịnh Thị P thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001982 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Trịnh Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA ông Trần Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh E (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương